

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH B**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 83A/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23/7/2018

V/v “Ly hôn và nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị N. Y

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị H;

2. Ông Nguyễn Thanh T;

Thư ký phiên tòa: Ông Quang Minh N là thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:

Ông: Nguyễn Trung T1 - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2018/TLST – HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2018 về việc “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71 /2018/QĐXX-ST ngày 15 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị A, sinh năm 1980;

Địa chỉ: (Không có số nhà) thuộc ấp C, xã Đ, huyện H, tỉnh B

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1977;

Địa chỉ: (Không có số nhà) thuộc ấp C, xã Đ, huyện H, tỉnh B.

(chị A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/01/2018 và các lời khai trong quá trình tố tụng chị Trần Thị A trình bày:

Về hôn nhân: Anh chị chung sống với nhau vào năm 2011, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H vào năm 2013.

Nguyên nhân ly hôn: Do anh Đ không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con, thường xuyên uống rượu, đập phá đồ đạc và đốt nhà, khiến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nay chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh Đ nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Văn Đăng, sinh ngày 01/01/2006, hiện đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ: Không có nên không đặt ra xem xét

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh B phát biểu quan điểm cho rằng: quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định Luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị A được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Văn Đăng, sinh ngày 01/01/2006 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện chị A đang nuôi dưỡng được giữ nguyên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét

Tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Chị Trần Thị A là hộ nghèo, thuộc trường hợp được miễn tiền án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H về tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị A khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ có địa chỉ cư trú tại xã Đ, huyện H, tỉnh B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B.

Chị Trần Thị A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 1 và 3 Điều 228 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng anh Đ vắng mặt, xem như anh tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng của anh. Do đó, cần chấp nhận theo sự trình bày của chị A.

Về quan hệ hôn nhân: Anh chị kết hôn trên tinh thần tự nguyện yêu thương nhau, nhưng trong thời gian chung sống không hạnh phúc. Anh Đ không lo làm ăn, không chăm sóc gia đình, thường xuyên uống rượu, đập phá đồ đạc và đốt nhà. Tòa án nhiều lần triệu tập anh Đ đến để hòa giải, hàn gắn cho anh chị, nhưng anh Đ không đến. Do đó, xét thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị đối với anh Đ là phù hợp.

Về con chung: Trong thời gian anh chị sống ly thân thì Nguyễn Văn Đăng do chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó cần tiếp tục giao cho chị A nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét.

Anh Nguyễn Văn Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Chị Trần Thị A là hộ nghèo và có đơn xin miễn nộp tiền án phí, nên thuộc trường hợp được miễn tiền án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị A được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Văn Đăng, sinh ngày 01/01/2006 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện chị A đang nuôi dưỡng được giữ nguyên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét

Anh Nguyễn Văn Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Chị Trần Thị A là hộ nghèo và có đơn xin miễn nộp tiền án phí, nên thuộc trường hợp được miễn tiền án phí theo quy định.

Án xử công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện H;
- Chi Cục THA.DS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Thị N. Y

